



NHẬN THỨC QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ TRI THỨC HIỆN NAY

Đoài Thị Thêu¹

TÓM TẮT

Trên cơ sở làm rõ quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức đang diễn ra mạnh mẽ trên nền tảng công nghệ thông tin hiện nay, tác giả tiếp tục đưa ra một số kiến giải mới bổ sung vào nội hàm của khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất cũng như nội dung của quy luật này cho phù hợp với sự phát triển về mọi mặt của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong thời kỳ hiện nay.

Từ khóa: Quy luật, quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là một trong hai quy luật cơ bản, mà trên cơ sở đó, lần đầu tiên trong lịch sử các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã xây dựng nên học thuyết về hình thái kinh tế xã hội, khẳng định sự phát triển của xã hội như một quá trình lịch sử - tự nhiên từ chính quy luật nội tại của nó. Với vị trí quan trọng như vậy, quy luật này luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu triết học. Trong thời đại chúng ta, trước xu thế toàn cầu hóa và những phát minh lớn lao của khoa học - công nghệ hiện đại đã làm xuất hiện nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất mới, cùng với bước phát triển mới đầy phức tạp của quá trình nhận thức, và cả việc tồn tại những ý kiến trái ngược nhau đối với học thuyết Mác, v.v.. Chính sự vận động đó đã và đang xác nhận hoặc đòi hỏi chúng ta phải nhận thức lại một cách nghiêm túc, thật sự khoa học và ở trình độ hiện đại các chân giá trị của triết học Mác - Lênin đã được đề xuất từ các thế kỷ trước, trong đó bao gồm cả quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Yêu cầu này, một mặt, đòi hỏi chúng ta phải đứng trên nguyên tắc khách quan để nhận thức lại cho đúng nguyên bản của các nhà sáng lập; mặt khác, cần đưa ra những kiến giải mới, phải bổ sung và phát triển các luận điểm cụ thể của triết học Mác nói chung, và quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nói riêng cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của nước ta, với trình độ phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại nhằm tiếp tục tạo động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

¹ Giảng viên khoa Lý luận Chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức



2. NỘI DUNG

Một trong những tư tưởng cơ bản của Mác đã bị làm sai lệch nhiều nhất và gây ra nhiều tranh cãi nhất là tư tưởng về quy luật *quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*. Nội dung chủ yếu của quy luật này là ứng với mỗi trình độ của lực lượng sản xuất, có một quan hệ sản xuất phù hợp. Lực lượng sản xuất phát triển làm mất dần trạng thái phù hợp ban đầu và tới một thời điểm nào đó sẽ nảy sinh mâu thuẫn với quan hệ sản xuất hiện thời. Mâu thuẫn được giải quyết bằng cách thay thế quan hệ sản xuất trước đó, lúc này đã được coi là “cũ”, “lỗi thời”, bằng quan hệ sản xuất mới, tương ứng với trình độ phát triển cao hơn của lực lượng sản xuất. Quá trình diễn ra sự thay thế trạng thái phù hợp này bằng một trạng thái phù hợp khác, làm cho mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất được giải quyết, rồi lại phát sinh mâu thuẫn tiếp theo. Cứ như thế, sự phù hợp và mâu thuẫn chuyển hóa lẫn nhau tạo nên sự vận động của phương thức sản xuất, đưa xã hội từ phương thức sản xuất này lên phương thức sản xuất xã hội khác có trình độ cao hơn. Quy luật này được Mác diễn đạt rõ ràng như sau: “Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức là những quan hệ sản xuất này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất của họ... Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội... Không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới cao hơn, cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ” [3; tr.13-15].

Theo quan điểm của Mác, quan hệ sản xuất có phù hợp thì lực lượng sản xuất mới phát triển, còn một khi nó mâu thuẫn với lực lượng sản xuất, tất yếu dẫn tới việc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Từ đó, chúng ta nhận thấy trong tư tưởng của Mác, lực lượng sản xuất có vai trò quyết định đối với quan hệ sản xuất, biểu hiện ở *trình độ của lực lượng sản xuất như thế nào thì nó sẽ quy định quan hệ sản xuất như thế đó và quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất*. Quan hệ sản xuất *lạc hậu* sẽ kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất và khi lạc hậu đến mức *trở thành xiềng xích* thì sẽ nổ ra cách mạng xã hội để xóa bỏ hình thái kinh tế - xã hội cũ. Đó là một tất yếu khách quan, là quy luật.

Trong suốt một thời gian dài, quy luật đó đã chưa được nhận thức và vận dụng đúng ở các nước xã hội chủ nghĩa, mặc dù đã hiểu được tầm quan trọng của nó và cố gắng vận dụng vào cuộc sống hiện thực. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là, người ta đã thêm vào quy luật được Mác diễn tả rất rõ ràng ấy hai chữ *tính chất* vào trước trình độ để từ đó tùy tiện ép buộc phải tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ nó để thiết lập quan hệ sản xuất mới càng nhanh càng tốt một cách chủ quan, duy ý chí. Cách làm này là trái quy luật khách quan, mà thực chất là *bất chấp* quy luật. Thậm chí, có ý kiến đã thẳng thắn chỉ ra, “*có sách giáo khoa còn khẳng định rằng, quan hệ sản xuất phải đi trước mở đường cho lực lượng*



sản xuất phát triển! Sự tùy tiện, chủ quan, duy ý chí nhưng lại được coi thể mới là cách mạng” [7; tr.19]. Và sự nhắc nhở của Ăngghen vẫn còn nguyên giá trị với chúng ta ngày hôm nay: “Đáng tiếc là người ta thường hay cho rằng họ đã hiểu đầy đủ một lý thuyết mới và có thể vận dụng nó ngay sau khi nắm được những luận điểm cơ bản, và lại không phải lúc nào cũng đúng. Và tôi có thể trách cứ nhiều “người mácxít” mới về điều này” [4; tr.644].

Trên thực tế, sự vận dụng sai lầm quy luật này ở nước ta trước đổi mới thể hiện ở việc thiết lập quan hệ sản xuất ở trình độ cao (quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa) với ba mặt cơ bản là: quan hệ sở hữu; quan hệ tổ chức, quản lý; quan hệ phân phối. Ở góc độ sở hữu, chúng ta chỉ thừa nhận sở hữu công hữu dưới hình thức toàn dân và tập thể, tương ứng với thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế tập thể. Trong khi đó, lực lượng sản xuất ở nước ta trình độ rất thấp, biểu hiện ở trình độ người lao động thấp, phần lớn không được đào tạo, lại có sự chênh lệch khá lớn giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi; công cụ lao động thô sơ. Hình ảnh *“con trâu đi trước cái cày theo sau”* là đặc trưng phổ biến cho tính chất thuần nông của nền sản xuất nước ta lúc bấy giờ. Như vậy, giữa trình độ của quan hệ sản xuất tồn tại một khoảng cách khá xa so với lực lượng sản xuất, tạo ra sự “lệch pha”, không phù hợp giữa chúng. Thêm vào đó, chúng ta lại duy trì quá lâu cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp với hình thức phân phối bình quân, thực chất là cào bằng trong hưởng thụ đã dẫn đến triệt tiêu mọi động lực của nền kinh tế, làm giảm lòng nhiệt tình, sáng tạo của người lao động, kìm hãm sự phát triển của sản xuất. Hậu quả là, quan hệ sản xuất không đáp ứng được nhu cầu khách quan của người lao động với tư cách là lực lượng sản xuất cơ bản nhất về các mặt sở hữu, quản lý và phân phối, do đó không kích thích được sự nỗ lực, sáng tạo của người lao động. Sự tách rời quyền sở hữu và quyền sử dụng của người lao động đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu đã dẫn đến sự vận hành nó trong thực tế thiếu đồng bộ và kém hiệu quả, kéo theo năng suất lao động thấp, việc sử dụng tài nguyên bị lãng phí gây ra sự trì trệ và khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.

Đứng trước *thực tế khách quan* đó buộc Đảng cộng sản Việt Nam đã phải nhận thức lại, phải sửa chữa những sai lầm, nhất là bổ sung và phát triển nhận thức về một trong những quy luật xã hội quan trọng bậc nhất này. Đại hội lần thứ VI, với một tư duy toàn diện, Đảng ta đã đưa ra nhận định quan trọng: *“Lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”* [5; tr.57]. Nếu vào thời mình, Mác mới chỉ nói đến việc lực lượng sản xuất bị kìm hãm khi quan hệ sản xuất *lạc hậu* thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cụ thể của Việt Nam, Đảng ta đã bổ sung thêm một về quan trọng là, cả khi có các yếu tố trong quan hệ sản xuất đi *quá xa* thì lực lượng sản xuất cũng bị kìm hãm, cũng không thể phát triển được. Sự bổ sung đó chính là căn cứ quan trọng bậc nhất để chúng ta tiến hành đổi mới toàn diện, cho phép và tạo mọi điều kiện để giải phóng lực lượng sản xuất, trong đó các thành phần kinh tế, các loại hình sở hữu khác nhau được tồn tại, phát triển một cách bình đẳng, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tích cực, chủ động hội nhập với thế giới và tham gia vào quá trình toàn cầu hoá nhằm đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng, tạo động lực cho sự phát triển về mọi mặt.



Thời kỳ đổi mới đất nước thực sự bắt đầu trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo có tính “đột phá” diễn ra tại Đại hội VI (1986) của Đảng cộng sản Việt Nam. Mặt khác, nó chịu sự tác động hết sức mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức mà công nghệ thông tin là nền tảng, với hệ thống máy tính điện tử, truyền thông đa phương tiện, mạng toàn cầu, v.v. Với cuộc cách mạng này, con người đang bước vào thời đại được gọi là thời đại thông tin hay kỷ nguyên số mà mọi hoạt động từ lĩnh vực y tế, giáo dục, ngân hàng đến quản lý tài chính, nhà hàng, khách sạn, v.v, đều dựa chủ yếu vào tự động hoá, thông tin và tri thức. Nói theo cách của nhà tương lai học Alvin Toffler, “một nền văn minh mới đang nổi lên trong cuộc sống của chúng ta... Nền văn minh mới này mang theo những thay đổi... trong cách làm việc, yêu thương và sống, một nền kinh tế mới” [1; tr.15]. Trong cuốn sách nổi tiếng “*Làn sóng thứ ba*”, Alvin Toffler cho rằng, cho đến bây giờ nhân loại đã trải qua hai làn sóng thay đổi vĩ đại. Làn sóng thứ nhất - cách mạng nông nghiệp, cần hàng ngàn năm mới hình thành. Làn sóng thứ hai - cuộc cách mạng công nghiệp, chỉ cần 300 năm. Ngày nay Làn sóng thứ ba sẽ tràn qua lịch sử và diễn ra trong vài thập kỷ [1; tr.15-16]. Vì thế, chúng ta không chỉ dừng lại ở việc khắc phục cách hiểu phiến diện đối với quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, mà trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và toàn cầu hóa kinh tế, còn đặt ra nhu cầu phải bổ sung những nội dung mới cho phù hợp với trình độ phát triển của khoa học - công nghệ hiện đại. Cụ thể, về *lực lượng sản xuất*, trong mọi thời đại kinh tế, con người (sức lao động) luôn giữ vai trò quyết định; tuy nhiên, trình độ của người lao động luôn thay đổi. Chẳng hạn, trong thời kỳ công trường thủ công, phần lớn các công đoạn sản xuất được thực hiện bằng các thao tác của lao động cụ thể, nên trong các yếu tố của sức lao động thì *sức lực cơ bắp* lại nổi trội so với sức óc, thần kinh. Đến thời kỳ cơ khí máy móc, khía cạnh năng lực, kinh nghiệm, *kỹ năng lao động* lại trở nên nổi bật, thay thế sức lực cơ bắp. Ngày nay, trong thời đại kinh tế tri thức, yếu tố quan trọng hàng đầu của người lao động là *tri thức*, nó vượt lên chiếm lĩnh ưu thế hơn hẳn so với kỹ năng, kinh nghiệm trước đây. Tri thức tự nó mang tính xã hội rất cao và thậm chí, còn mang tính nhân loại. Do vậy, khi nói về những bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất trong nền kinh tế tri thức, chúng ta thấy nổi lên một đặc điểm hết sức quan trọng là *tính xã hội hoá, quốc tế hóa* rất cao của nó.

Hoạt động trực tiếp tạo ra sản phẩm không còn là công việc của riêng người lao động mà của cả một bộ phận ngày càng tăng lên những người trực tiếp quản lý quá trình sản xuất, những kỹ sư, những nhà công nghệ. Sự thay đổi ấy làm cho những yếu tố tạo ra giá trị mới được kết tinh trong sản phẩm mà biểu hiện dưới hình thức là giá trị thặng dư cũng không hoàn toàn như cũ. Giá trị thặng dư được tạo ra không còn chỉ do lao động sống của người công nhân trực tiếp sản xuất, mà còn do lao động vật hoá, do lao động quản lý. Lao động quản lý trong thời kỳ hiện nay bao gồm: lao động quản lý của các chuyên gia quản lý (khi đó, họ thuộc về người lao động theo nghĩa hiện đại của từ này) và lao động quản lý của người sở hữu tư liệu sản xuất nếu họ tham gia quản lý doanh nghiệp. “*Quản lý*” lại là loại hình lao động phức tạp, nó là “*bộ số của lao động giản đơn*” như Mác nói.



Ngay cả *đối tượng lao động* hiện nay cũng đã khác trước rất nhiều. Trong thời kỳ văn minh nông nghiệp, đối tượng lao động chủ yếu là *ruộng đất*; trong nền văn minh cơ khí, đối tượng lao động tiếp tục được mở rộng ra là các nguyên vật liệu như than đá, chất đốt, dầu khí, các nguyên liệu hóa thạch, các hầm mỏ... Nói chung là các nguyên vật liệu cần cho các ngành công nghiệp như sắt, thép, sợi, dệt vải, ô tô, cơ khí chế tạo máy... Trong thời đại ngày nay, ngoài những đối tượng trên thì còn xuất hiện một đối tượng mới nhưng đóng vai trò chủ yếu là *thông tin, tri thức* [8; tr.82]. Bên cạnh đó, *tư liệu lao động* chủ yếu hiện nay không còn là máy móc cơ khí mà được thay thế bằng hệ thống máy vi tính, máy tự động và sự ứng dụng ngày càng đi đến phổ biến của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực khác nhau, từ việc phục vụ đời sống hàng ngày của con người cho đến giáo dục, tài chính ngân hàng, y tế... Dự báo, GDP toàn cầu sẽ tăng thêm 14% vào năm 2030 nhờ sự hỗ trợ từ trí tuệ nhân tạo [2].

Có thể thấy, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nòng cốt là cách mạng công nghệ thông tin đã góp phần làm biến đổi nội dung và tính chất của lực lượng sản xuất. *Về nội dung*, các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ, từ đối tượng lao động truyền thống là đất đai, nguyên liệu, tư bản sang thông tin, tri thức; công cụ lao động là máy móc cơ khí sang hệ thống các phần mềm tự động hóa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; lao động thủ công, lao động cơ khí sang lao động trí tuệ. Trong đó, một điều quan trọng hơn rất nhiều trong nền kinh tế tri thức là tri thức tạo ra được cơ chế lợi nhuận tăng dần, trong khi các yếu tố sản xuất truyền thống (đất đai, vốn, lao động), như chúng ta đã biết, lại tuân theo quy luật lợi nhuận giảm dần. *Về tính chất*, lực lượng sản xuất đang biến đổi theo hướng ngày càng mang tính xã hội hoá sâu sắc. Lực lượng sản xuất được xã hội hoá thể hiện ở việc tổ chức các yếu tố của lực lượng sản xuất diễn ra trên một quy mô lớn vừa đảm bảo khả năng chuyên môn hoá, vừa có khả năng phi chuyên môn hoá một cách rộng rãi [6].

Những đặc điểm và tính chất mới đó của lực lượng sản xuất quy định và đòi hỏi nội dung mới, tính chất mới của quan hệ sản xuất. Và vấn đề này các nhà khoa học lại có nhiều ý kiến hơn về việc phân định các yếu tố hợp thành quan hệ sản xuất. Chẳng hạn, trước đây khi dựa vào định nghĩa giai cấp của Lênin, người ta đã đi đến một ý kiến thống nhất về nội dung của quan hệ sản xuất gồm ba bộ phận: *chế độ sở hữu; địa vị và sự trao đổi hoạt động giữa các giai cấp; và chế độ phân phối*. Vào đầu những năm 1970, xuất hiện những luồng ý kiến mới về ba bộ phận cấu thành quan hệ sản xuất. Họ cho rằng, nội dung khái niệm quan hệ sản xuất dường như nó đã trở nên quá chật hẹp so với sự phát triển của lực lượng sản xuất lúc đó. Một sơ đồ bốn yếu tố đã được đưa ra thay thế, bao gồm: *sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng* của cái vật chất. Mỗi yếu tố trong sơ đồ này mang dáng dấp như một công đoạn trong quy trình sản xuất. Và ngay sau đó đã có những ý kiến hoài nghi về các yếu tố trên cũng chưa phản ánh đầy đủ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Họ cho rằng cần phải xem xét từ nhiều góc độ bằng cách tổng hợp các yếu tố trên: xem xét từ góc độ sở hữu đối với tư liệu sản xuất; các quan hệ trực tiếp và gián tiếp đối với tư liệu sản xuất; các quan hệ vốn có của tái sản xuất; động lực của sự phát triển sản xuất, các nhân tố tăng năng suất lao



động. Sự đa dạng của quan hệ sản xuất là để phù hợp với trình độ khác nhau của lực lượng sản xuất, do lực lượng sản xuất quy định [9; tr.54-72].

Ý kiến này không hẳn là không có cơ sở. Nếu xét dưới góc độ *quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất* thì quả thực đã có sự thay đổi rất nhiều. Trước đây, nói đến sở hữu thường thấy dưới các dạng vật chất như: sở hữu *ruộng đất* trong nền văn minh nông nghiệp; máy móc, trang thiết bị, các nguyên vật liệu, tư bản trong nền văn minh công nghiệp. Ngày nay, đang xuất hiện một hình thức sở hữu mới và ngày càng trở nên phổ biến, quyết định lợi thế so sánh của một quốc gia, một doanh nghiệp, đó là sở hữu thông tin, tri thức là chủ yếu. Thông tin, tri thức trở thành yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất. Trong nền kinh tế đó, thông tin và tri thức là nguồn lực cơ bản nhất của quốc gia. Ai nắm được trí tuệ, có khả năng điều tiết, chi phối nó, kẻ đó có sức mạnh chi phối sự phát triển xã hội theo mục tiêu và lợi ích của mình. Thực tế là, nhờ việc sở hữu một khối lượng thông tin lớn trên toàn cầu ở mọi lĩnh vực, các ông trùm mạng xã hội như Google, Amazon, facebook, Alibaba, v.v, đang thu về những khoản lợi nhuận khổng lồ.

Ở khía cạnh *quan hệ tổ chức, quản lý*, khi nghiên cứu quá trình tư bản hóa sản xuất, Mác đã nhận ra, người công nhân không thể sở hữu máy hơi nước và không thể lấy máy hơi nước đi cùng với mình khi họ chuyển từ công việc này sang công việc khác. Nhà tư bản cần phải sở hữu động cơ hơi nước và cần phải kiểm soát nó. Chính điều đó làm cho quá trình lao động vốn là nhu cầu tất yếu thuộc về con người thế nhưng lại bị biến thành “*lao động bị tha hóa*”. Thế nhưng, trong xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức không phải máy móc hay tư bản là cốt lõi làm gia tăng giá trị thặng dư mà chính là trí tuệ, nó thuộc sở hữu của người công nhân tri thức. Sự gia tăng của lao động trí tuệ ngày càng trở nên nổi trội so với các yếu tố khác, là “chìa khóa” để chấm dứt tình trạng “*lao động bị tha hóa*”. Lao động thực sự là một hoạt động sáng tạo và trở thành nhu cầu thiết yếu của con người. Quan hệ phân phối sản phẩm cũng đang có sự chuyển biến mạnh mẽ từ các nguyên tắc phân phối theo lao động, mức độ góp vốn dưới dạng cổ phiếu, cổ phần, tài năng kinh doanh, v.v, sang các hình thức phân phối dựa trên sự sở hữu số lượng thông tin, trí tuệ. Vì thế, đặc điểm mới của quan hệ phân phối trong thời đại thông tin và nền kinh tế tri thức là sự phân phối cho nhu cầu tiêu dùng vật chất (ăn, uống...) càng trở nên ít bức bách hơn, bởi nhu cầu vật chất của con người là có hạn và khả năng thỏa mãn nhu cầu đó do lực lượng sản xuất tạo ra là không ngừng tăng theo cấp số nhân. Trái lại, nhu cầu tiêu dùng thông tin, tri thức lại vô hạn và ngày càng phức tạp, đa dạng. Sản xuất và phân phối thông tin, tri thức lại sẽ là nơi tập trung những mâu thuẫn phức tạp nhất trên lĩnh vực phân phối nói chung.

Chính điều này đã kéo theo sự thay đổi của các *nhân tố làm tăng năng suất lao động*. Trong nền kinh tế truyền thống, yếu tố làm tăng năng suất lao động phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên, tư bản hiện vật; trong khi đó với nền kinh tế tri thức, yếu tố quan trọng nhất là bộ óc con người và mạng thông tin toàn cầu. Xét riêng ở khía cạnh con người cũng đã có sự thay đổi rõ rệt, nếu thu nhập là mục tiêu quan trọng nhất khiến người lao động làm việc năng suất hơn trong thời đại công nghiệp thì trong nền kinh tế tri thức, mục tiêu tinh thần, mục tiêu phát triển cá nhân là yếu tố hàng đầu. Do đó, vấn đề giáo dục - đào



tạo, nghiên cứu - phát triển, thông tin và phân phối thông tin nhằm tăng năng lực sản sinh và chuyển giao tri thức là những lĩnh vực chiến lược của các quốc gia. Hơn nữa, chi phí cho sức khỏe để nâng cao năng lực thể chất với tư cách là một phần quan trọng của vốn con người (hay tư bản người) đang gia tăng nhanh chóng trong những năm gần đây. Nhiều công trình của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OCDE) cho thấy có không ít nước đã có mức đầu tư ổn định và khá cao cho nghiên cứu - phát triển, giáo dục - đào tạo mà họ đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Nói cách khác, coi trọng việc đầu tư cho đội ngũ trí thức là thái độ của một nền kinh tế hiện đại. Do đó, tình hình mới của phát triển sản xuất không hề làm thay đổi sự thực con người là nhân tố quan trọng nhất, tạo ra giá trị [10].

3. KẾT LUẬN

Sinh thời các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin luôn coi học thuyết của mình là “kim chỉ nam” cho nhận thức và hành động của các Đảng Mácxít trên thế giới, những người cộng sản phải có nhiệm vụ bổ sung, phát triển cho phù hợp với tình hình mới. Vì thế, việc nhận thức lại *quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất* thời kỳ đổi mới của Đảng ta là một minh chứng hết sức có giá trị và rất thuyết phục theo đúng tinh thần của các nhà sáng lập học thuyết Mác. Ngày nay, mặc dù khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển vượt bậc thì chúng ta vẫn có thể khẳng định chắc chắn rằng, tư tưởng về *sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất* vẫn còn nguyên giá trị. Chúng ta cần tiếp tục khái quát những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin trong bối cảnh toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức để hình thành những luận điểm mới, bổ sung vào di sản kinh điển, làm cho di sản ấy có khả năng bao quát được những vấn đề của ngày hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alvin Toffler (2002), *Làn sóng thứ ba*, Nxb. Thanh Niên, Thanh Hóa.
- [2] Báo điện tử vtv.vn (2017), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong cuộc sống*, truy cập tại [http://vtv.vn/cong-nghe/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-cuoc-song-20170709081836762 .htm/](http://vtv.vn/cong-nghe/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-cuoc-song-20170709081836762.htm/).
- [3] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.13, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t.37, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thị Lan Hương (2006), *Tác động của cuộc cách mạng trong công nghệ thông tin đến lực lượng sản xuất - nhìn từ góc độ triết học*, Tạp chí Triết học, Số 9.



- [7] Nguyễn Trọng Chuẩn (2008), *Nâng cao nhận thức, bổ sung và phát triển triết học Mác - Lênin nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thời đại mở rộng giao lưu quốc tế*, Tạp chí Triết học, Số 9.
- [8] Phạm Ngọc Quang (2003), *Kinh tế tri thức - xét từ góc độ lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất*, Tạp chí Triết học, Số 3.
- [9] Trần Côn (1983), *C.Mác và quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*”, trong cuốn: *40 năm viện triết học - Một số kết quả nghiên cứu*, Nguyễn Trọng Chuẩn (chủ biên) (2002), Viện triết học, Hà Nội, tr.54-72.
- [10] Trần Quân Tuyền (2007), *Giá trị lao động và giá trị tri thức*, Tạp chí Triết học, Số 7.

CONCEIVING THE RULE OF PRODUCTION RELATIONS IN ACCORDANCE WITH THE DEVELOPMENT OF PRODUCTIVE FORCES IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION AND THE KNOWLEDGE ECONOMY

Đoì Thi Theu

ABSTRACT

Based on the clarification of the cognitive process of the Communist Party of Vietnam about the rule of production relations accordant with development of productive forces; nowadays with the context of globalization and the knowledge economy developing strongly on the information technology platform, the author continues to give some new explanations adding to the contents of the concept of the production relations, the productive forces as well as the content of the rule to suit with the development in all aspects of the productive forces and the production relations.

Keywords: *Rules, production relations, productive forces.*